



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Tel: +84.255.6250905; Fax: +84.255.6250910

Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn

GCN ĐKKD số 4300338460 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/11/2012

Số: 31/2021/BC-BSGQN

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300338460
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 450.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0255.6250905; Số fax: 0255.6250910
- Website: www.sabecoquangngai.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có) BSQ
- **Quá trình hình thành và phát triển**
  - + Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4300338460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp thay đổi lần 4, ngày 01/11/2012.
  - + Ngày 20/9/2007: UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 34121000019 cho Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công suất 100 triệu lít/ năm tại Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Tổng mức đầu tư: 1.580.677 triệu đồng.
  - + Năm 2009: Tiến hành đầu tư xây dựng, đến tháng 12/2010 đã hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công suất 100 triệu lít/ năm.
  - + Năm 2010: Chiết mẻ bia thương mại đầu tiên.
  - + Năm 2013: Đầu tư bổ sung 01 dây chuyền sản xuất bia lon, công suất 33.000 lon/giờ. Tổng mức đầu tư: 125 tỷ đồng. Việc hoàn thành kịp thời hệ thống sản xuất bia lon và các thiết bị đi kèm đã giúp nhà máy đạt được kế hoạch sản lượng và giảm được rủi ro cho sản xuất. Sau đầu tư, công suất nhà máy có thể khai thác lên 120 triệu lít/ năm.
  - + Năm 2016: Thực hiện đăng ký toàn bộ 45.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM). Mã chứng khoán: BSQ.



- + Năm 2016: Đầu tư bổ sung tank lên men, hệ thống tiết kiệm năng lượng.
- + Năm 2019: Đầu tư bổ sung hệ thống chiết bia lon, công suất 60.000 lon/ giờ.
- + Tháng 01/2020: Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/năm. Tổng mức đầu tư: 535 tỷ đồng. Thời gian hoàn thành dự kiến: trong tháng 8/2021.

**- Thành tích trong quá trình hoạt động:**

- + Năm 2011: Huân chương lao động hạng 3 về thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2012: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2012.
- + Năm 2013: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- + Năm 2013: Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích chấp hành tốt chính sách pháp luật thuế năm 2013.
- + Năm 2013: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích trong sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2013: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong công tác thu nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ.
- + Năm 2014: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2014: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2014: Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác.
- + Năm 2015: Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong công tác.
- + Năm 2015: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.
- + Năm 2016: Bằng khen của Bộ Tài chính về thành tích thực hiện tốt công tác kê khai, nộp thuế.
- + Năm 2016: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2016: Cờ thi đua của Bộ Công thương về thành tích hoàn thành xuất sắc và toàn diện nhiệm vụ công tác.
- + Năm 2016: Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác, tiêu biểu, dẫn đầu trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2017: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, công tác trong phong trào thi đua khối, cụm của tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2017: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt chính sách, pháp luật thuế.



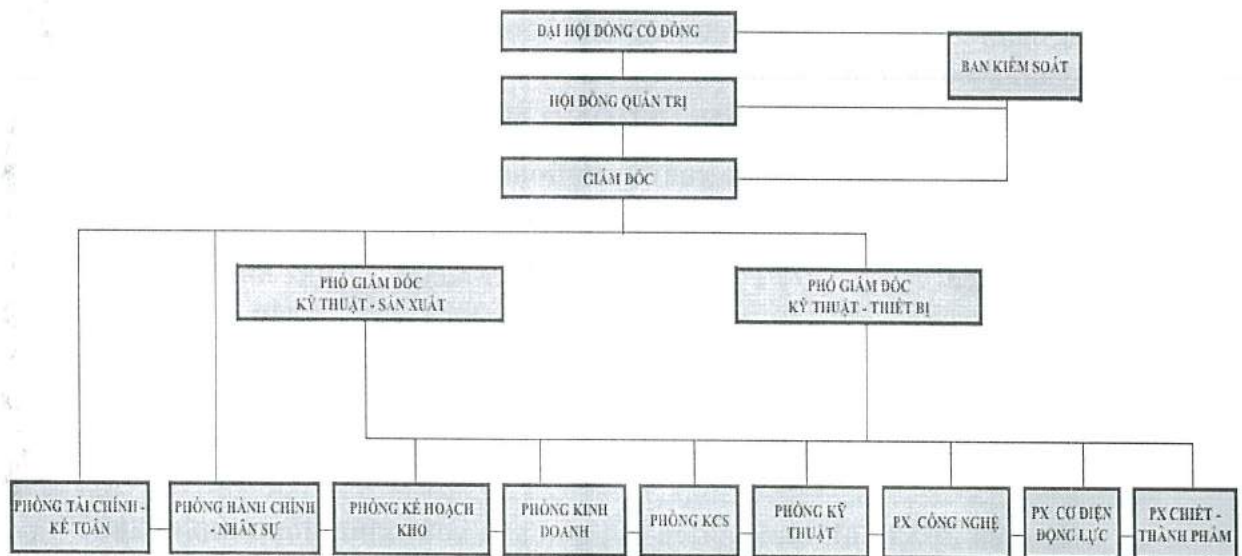
- + Năm 2018: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2018: Giải thưởng môi trường tỉnh Quảng Ngãi.
- + Năm 2019: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020: Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ngãi về thành tích thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.
- + Năm 2020: Doanh nghiệp xuất sắc tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bia.
- Địa bàn kinh doanh: Khu công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

## 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - + Nâng công suất nhà máy lên 250 triệu lít/ năm.
  - + Tiếp tục phát triển bia xuất khẩu sang thị trường Châu Âu.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Phát triển sản lượng Bia Sài Gòn trong nước giai đoạn 2020 - 2025 từ 130 triệu lít bia/ năm lên 250 triệu lít bia/ năm.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
  - + Tăng dần sản lượng sản xuất và tiêu thụ.
  - + Tăng nộp ngân sách địa phương.
  - + Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
  - + Đạt các chỉ tiêu kinh tế ngày càng tăng trưởng.

- + Nâng cao đời sống cho người lao động.
- + Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

## 5. Các rủi ro

- + Đặc thù mặt hàng sản xuất kinh doanh chính là bia nên chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự thay đổi các chính sách của Nhà nước:
  - Thuế tiêu thụ đặc biệt tăng.
  - Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ.
- + Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào sản lượng giao hàng của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (SABECO).
- + Trên thị trường có nhiều sản phẩm bia, tạo nhiều sự lựa chọn cho người tiêu dùng, dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt.
- + Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh. Dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế chung toàn cầu cũng như tại Việt Nam. Bia lại là sản phẩm được tiêu thụ phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân, do đó những biến động của nền kinh tế kéo theo thu nhập của người dân thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ bia của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% TH 2020/ TH 2019	% TH 2020/ KH 2020
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,120.11	913.03	109.06	97.37%	119.45%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	150.7	60.72	107.64	71.43%	177.29%

#### Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- + Sản lượng Bia: Giảm so cùng kỳ năm trước vì ảnh hưởng dịch bệnh COVID và Nghị định 100 của Chính phủ. Lợi nhuận năm 2020 thấp so với 2019.
- + Lợi nhuận tăng so với kế hoạch: Trong năm công ty đã tiết giảm chi phí về lao động; chi phí hành chính, khác; Nâng cao hiệu suất thu hồi trong sản xuất: Tiết kiệm chi phí năng lượng về điện, hơi bão hòa, nước; Việc khai thác dây chuyền chiết bia lon mới 60.000 lon/h giảm nhiều về chi phí vận hành xe nâng như dầu DO, hao mòn xe, nhân sự vận hành... làm giảm giá thành sản phẩm.

### 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Bùi Thị Nhựt	Giám đốc	1964	Cử nhân Tài chính - Kế toán Thạc sỹ quản trị kinh doanh	0.918%
2.	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	1967	Kỹ sư khoa học	0.066%
3.	Thượng Tấn Lược	Phó Giám đốc	1968	Kỹ sư điện - tự động hóa Thạc sỹ quản lý kinh tế	0.037%
4.	Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng	1983	Cử nhân kế toán	0.011%



- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 196.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư và đưa vào sử dụng dây chuyền chiết bia lon, công suất 60.000 lon/ giờ.

Thông qua và triển khai thực hiện Dự án Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm.

#### b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	894,856,139,723	1,177,189,359,506	32%
Doanh thu thuần	1,120,111,351,559	1,090,606,392,692	-3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161,730,892,533	116,370,583,564	-28%
Lợi nhuận khác	808,133,853	922,006,627	14%
Lợi nhuận trước thuế	162,539,026,386	117,292,590,191	-28%
Lợi nhuận sau thuế	150,704,823,986	107,640,548,597	-29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,135	2,241	-29%

- Các chỉ tiêu khác: Không có.

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.73	1.06	
+	Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0.30	0.87	
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+	Hệ số nợ trên tài sản	%	28.13	42.4	
+	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	%	39.14	73.72	
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+	Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/hàng tồn kho bình quân)	Lần	8.63	12.7	
+	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	1.25	0.93	
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13.45	9.87	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	23.43	15.88	
+	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	16.84	9.14	
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14.44	10.67	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 45,000,000 cổ phần. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:

+ Cổ đông lớn: Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, Sở hữu: 29.950.000 cổ phần, chiếm 66,55% tổng số cổ phần của Công ty.

+ Cổ đông nhỏ: Các cổ đông là tổ chức và cá nhân còn lại, sở hữu 15.050.000 cổ phần, chiếm 33,45% tổng số cổ phần của Công ty.

- Phân loại theo cổ đông là tổ chức và cá nhân:

+ Cổ đông là tổ chức: 07 cổ đông, sở hữu: 33.059.034 cổ phần, chiếm: 73,46% tổng số cổ phần.

+ Cổ đông là cá nhân: 694 cổ đông, sở hữu: 11.940.966, chiếm 26,54% tổng số cổ phần.

- Phân loại theo cổ đông trong và ngoài nước:

+ Cổ đông trong nước: 700 cổ đông, sở hữu: 44.999.900 cổ phần, chiếm 99,99978%.

+ Cổ đông nước ngoài: 01 cổ đông, sở hữu 100 cổ phần, chiếm 0,00022%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2020

- Malt: 11.919.435 kg.
- Gạo: 3.940.844 kg.
- Hoa houblon: 5.777kg.
- Lon rỗng: 292.987.130 cái.
- Thùng giấy: 12.154.035 cái.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp;

- Điện: 8.025.463kw.
- Hơi bão hòa: 28.798.580 kg.

b) Các sáng kiến cải tiến góp phần tiết kiệm năng lượng, chi phí sản xuất:

Stt	Sáng kiến	Kết quả
1	Gia công lắp đặt cơ cấu tự động nâng cánh thùng giấy, giảm hao phí thùng giấy tại máy định hình thùng xuất khẩu	- Góp phần giảm thời gian dừng máy. - Góp phần giảm hao phí thùng giấy.



2	Cải tiến quy trình xử lý nước thải nhằm tiết kiệm hóa chất Javel (NaOCl) cho hệ thống xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm hàm lượng Nitơ.</li> <li>- Tiết kiệm hóa chất (Javel).</li> <li>- Giảm thời gian sục khí: tiết kiệm điện năng</li> </ul>
3	Hợp lý hóa quy trình hoàn nguyên cột Cation và Anion	- Tiết kiệm nước và hóa chất
4	Kết nối bổ sung mát cắt hạ thế vào hệ thống điện hiện hữu	- Tiết kiệm chi phí.
5	Cải tiến quy trình vận hành hai máy nén lạnh trực vít	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian vận hành máy nén bình quân cho 1 tank bia giảm khoảng 17%</li> <li>- Số lần khởi động máy bình quân/tháng giảm 50%</li> <li>- Tiêu thụ điện năng bình quân cho 1 tank bia giảm khoảng 15% so với trước khi thực hiện cải tiến: tiết kiệm năng lượng.</li> </ul>

### 6.3. Tiêu thụ nước:

#### a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước thành phố, từ Công ty Cấp Thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi.
- Lượng nước sử dụng: 384.351m<sup>3</sup>.

#### b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 7.514m<sup>3</sup>.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

#### a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động đến ngày 31/12/2020: 196 người.
- Mức lương trung bình: 12.781.000 đồng/ người/ tháng.

#### b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tổng số giờ đào tạo trong năm: 48 giờ.
- Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Tổng số tiền tham gia công tác xã hội là 160.803.215 đồng.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ %	
					TH2020/TH2019	TH2020/KH2020
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,125.93	917.49	1,104.29	98.08%	120.36%
2. Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,006.35	879.14	1,026.97	102.05%	116.82%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	162.54	65.73	117.29	72.16%	178.45%

- Thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận 78.45%.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020/2019
<b>Tổng tài sản</b>	<b>Đồng</b>	<b>894,949,700,573</b>	<b>1,177,189,359,506</b>	<b>132%</b>
Tài sản ngắn hạn	Đồng	184,394,438,797	424,061,826,236	230%
Tài sản dài hạn	Đồng	710,555,261,776	753,127,533,270	106%

### b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2020/2019
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Đồng</b>	<b>251,729,347,338</b>	<b>499,542,417,903</b>	<b>198%</b>
Nợ phải trả ngắn hạn	Đồng	251,729,347,338	400,357,705,903	159%
Nợ phải trả dài hạn	Đồng	0	99,184,712,000	

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Triển khai và ứng dụng phần mềm trong quản lý sản xuất, quản lý cung ứng vật tư hàng hóa; quản trị hành chính, tiết giảm lao động.
- Trong năm đã có nhiều giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật thiết bị và công nghệ được áp dụng vận hành sản xuất tốt góp phần tiết giảm chi phí sản xuất.
- Với dây chuyền sản xuất khép kín, hiện đại, tự động hóa cao. Công ty sắp xếp tinh gọn bộ phận quản lý sản xuất. Tăng cường chức năng quản lý của các phòng ban, phân xưởng của Công ty để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và tài sản hiện có trong Công ty;
- Quy hoạch và sắp xếp lao động, trả lương theo vị trí công việc, khen thưởng kịp thời đã kích thích, động viên CBCNV phát huy năng lực cá nhân, tập thể có những sáng kiến làm lợi và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCNV ISO 14001:2015; HACCP; Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm BRC phiên bản 8; Tiêu chuẩn quốc gia về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017; Kiểm soát quy trình sản xuất bằng phần mềm MES.
- Lập kế hoạch sản xuất hợp lý để tiết giảm hao năng lượng sản xuất, tiết giảm chi phí.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:



- Đẩy mạnh công tác Quảng bá thương hiệu thông qua hiệu ứng hình ảnh: bảng hiệu, pano, ánh sáng, đài phát thanh, truyền hình của tỉnh. Tham gia các hoạt động an sinh xã hội; Phối hợp với các sở ban ngành địa phương tăng tiêu thụ bia tại chỗ.
  - Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.
  - Khai thác thị trường nước ngoài để tăng ngoại tệ thu về.
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:
- Với hệ thống xử lý nước thải được đầu tư hoàn thiện và công nghệ được cải tiến, phong cách thiết kế Nhà máy luôn hướng tới môi trường sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc bảo vệ môi trường.
- Duy trì và phát huy việc sử dụng nguồn nguyên nhiên liệu tự nhiên (như sử dụng hơi đốt bằng trấu) thay cho dầu FO nhằm tiết kiệm chi phí và hạn chế chất thải có hại ra môi trường.
- Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát môi trường thường xuyên và định kỳ để kịp thời có các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:
- Phát huy nội lực, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai. Quan tâm, chăm lo sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, tạo điều kiện làm việc, học tập tốt nhất, đảm bảo ổn định đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn đóng vai trò tích cực trong các hoạt động xã hội, cùng với Tổng Công ty SABECO xây dựng thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay cùng cộng đồng”. Công ty hy vọng rằng, với những nỗ lực vì cộng đồng trong những năm qua như xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bão lụt, phong trào đền ơn đáp nghĩa,...và sẽ còn tiếp tục thực hiện cho những năm tiếp theo với những việc làm thiết thực, góp phần cùng xã hội xây dựng một nước Việt nam phát triển bền vững.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:
- HĐQT đã bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tìm mọi biện pháp và quyết tâm đề xuất lên Ban lãnh đạo Tổng Công ty tháo gỡ khó khăn, trợ giúp về sản lượng tiêu thụ, tài chính, nguyên vật liệu cho hoạt động SXKD. HĐQT Công ty đã kịp thời quyết định trong công tác đầu tư, tháo gỡ được khó khăn cho sản xuất; tạo điều kiện cho Ban Giám đốc chủ động trong quản lý hoạt động sản xuất, đầu tư.
  - Các Nghị quyết, quyết định HĐQT ban hành liên quan đến lĩnh vực đầu tư, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp với quy chế, quy định hiện hành của công ty, Tổng công ty và pháp luật.
  - HĐQT chỉ đạo Ban điều hành chủ động phối hợp với tổ chức Đảng, đoàn thể công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ. Công tác sử dụng cán bộ, đào tạo, quy hoạch cán bộ, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, thu nhập cho người lao động. Tất cả chủ trương, quyết nghị của HĐQT đều được sự đồng thuận nhất trí



cao của tất cả thành viên HĐQT nên việc thực hiện kế hoạch SXKD thuận lợi, đạt kết quả cao

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty;

- Việc đánh giá, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành Công ty đã được Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.
- Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của công ty, HĐQT cũng thường xuyên giám sát Ban điều hành, giúp Ban điều hành nhất quán trong việc chỉ đạo SXKD tuân thủ Điều lệ công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.
- Ban điều hành Công ty đã điều hành công ty sản xuất kinh doanh năm 2020 đạt hiệu quả tốt, ổn định và nâng cao đời sống người lao động, tài chính lành mạnh đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên: chấp hành đúng đắn chủ trương của SABECO, nhà nước, pháp luật, người lao động và lợi ích cổ đông có tăng trưởng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện đúng đường lối, định hướng phát triển Bia Sài Gòn của HĐQT và Ban lãnh đạo SABECO. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của thương hiệu Bia Sài Gòn.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành quản lý sản xuất tốt, quản lý chất lượng sản phẩm; Sử dụng vốn và các nguồn lực hiện có của công ty đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo thu nhập cho người lao động đạt mặt bằng chung tại khu vực, gắn thu nhập với hiệu quả sản xuất kinh doanh

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP năm giữ	Tỷ lệ % sở hữu	Ghi chú
1	Teo Hong Keng	Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Bùi Thị Nhự	Ủy viên HĐQT Giám đốc Công ty	413,450	0.92	
3	Trần Nguyên Trung	Ủy viên HĐQT	300	0.001	
4	Đình Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	950,000	2.11	
5	Văn Thảo Nguyên	Ủy viên HĐQT	0	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 03 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị 02 lần, ban hành 05 Nghị quyết. Các thành viên HĐQT công ty thống nhất cao thông qua các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở để chỉ đạo hoạt động của Công ty về các vấn đề chính sau:

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và quý I/2020;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;



- Thông qua kế hoạch tổ chức lễ khánh thành dây chuyền chiết bia lon, công suất 60.000 lon/ giờ;
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020;
- Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu EPC: Thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống thiết bị mở rộng, kết nối toàn hệ thống đạt 250 triệu lít/năm;
- Thông qua việc ký kết hợp đồng kinh tế Gói thầu EPC: “Thiết kế, chế tạo, cung cấp và lắp đặt hoàn thiện hệ thống thiết bị mở rộng, kết nối toàn hệ thống đạt 250 triệu lít/ năm” với Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa có liên quan đến ông Đinh Văn Thuận, Thành viên HĐQT Công ty;
- Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu EPC “Thiết kế, chế tạo, xây dựng và lắp đặt thiết bị để nâng cấp Hệ thống Xử lý nước thải đáp ứng Nhà máy có công suất 250 triệu lít/ năm;
- Thông qua tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Đại hội đồng cổ đông về việc: Điều chỉnh tăng quỹ thù lao kế hoạch năm 2020 cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách;
- Thông qua việc điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án “Văn phòng - Trung tâm giới thiệu sản phẩm và Nhà hàng SABECO tại Quảng Ngãi”;
- Thông qua kế hoạch tổ chức Lễ khởi công xây dựng Dự án “Đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi lên 250 triệu lít/ năm”.

## 2. Ban Kiểm soát:

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng BKS	11,010	0.02%	
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	0	0%	
4	Đỗ Thị Diễm Kiều	Thành viên BKS	39,000	0.09%	

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành.
  - Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, các quyết định của Ban điều hành.
  - Giám sát toàn bộ hoạt động của Công ty về công tác quản lý doanh thu, chi phí, giám sát tính pháp lý, ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ, hồ sơ.
  - Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban điều hành công ty, được nhận các tài liệu thông tin theo qui định của Luật Doanh nghiệp; được Ban Điều hành hành cung cấp tất cả thông tin về các hoạt động kinh doanh của công ty khi Ban kiểm soát có yêu cầu.
  - Ban kiểm soát phối hợp với Phòng kế toán để kiểm kê tất cả các tài sản của công ty, Giám sát các qui trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: triệu đồng

Thành phần	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị	1,802	-	279
Ban điều hành	0	4,670	995
Ban kiểm soát	400	-	153

Chi tiết cấu trúc thu nhập của từng thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Teo Hong Keng	Chủ tịch HĐQT	0.00%	86.59%	13.41%
2	Bùi Thị Nhự	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty	0.00%	86.59%	13.41%
3	Trần Nguyên Trung	Ủy viên HĐQT	0.00%	86.59%	13.41%
4	Đình Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	0.00%	86.59%	13.41%
5	Văn Thảo Nguyên	Ủy viên HĐQT	0.00%	86.59%	13.41%
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>				
1	Bùi Thị Nhự	Giám đốc	82.30%	0.00%	17.70%
2	Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc	82.54%	0.00%	17.46%
3	Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc	82.54%	0.00%	17.46%
4	Võ Thanh Cường	Kế toán trưởng	82.47%	0.00%	17.53%
<b>III</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng BKS	81.21%	0.00%	18.79%
2	Nguyễn Văn Hòa	Thành viên BKS	0.00%	86.59%	13.41%
4	Đỗ Thị Diễm kiều	Thành viên BKS	0.00%	88.68%	11.32%

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty
01	Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT Tp. HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh	2020
02.	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Người có liên quan của người nội bộ	4300338326	Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đôn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	2020
03.	Công ty Cơ Nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	Người có liên quan của người nội bộ	0100520122 29/07/2016 Sở KHĐT Hà Nội	24 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	2020

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:



- Thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan luôn được cập nhật kịp thời và chuẩn hóa nhằm đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ quy định và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

### Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu VT; PKT.









---

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký** 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007  
**Đầu tư số** 1714445463 ngày 24 tháng 11 năm 2020

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty được điều chỉnh lần đầu vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 1714445463. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu và bản điều chỉnh lần lượt do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp, và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận** 4300338460 ngày 6 tháng 10 năm 2005  
**Đăng ký Doanh nghiệp số**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4300338460 ngày 1 tháng 11 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Teo Hong Keng	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Nhự	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Huỳnh Thị Thùy Nhân	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kiều Diễm	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Bùi Thị Nhự	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Giám đốc
Ông Thượng Tấn Lực	Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Quảng Phú,  
Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Tỉnh Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 2 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00287-21-2

Hà Vũ Đình  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghi  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 2 năm 2021

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>424.061.826.236</b>	<b>184.394.438.797</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>16.400.170.485</b>	<b>13.615.200.518</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7(a)</b>	<b>166.900.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		166.900.000.000	14.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.119.377.265</b>	<b>48.300.124.369</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	35.095.466.541	43.581.573.819
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	124.541.302.087	3.756.436.175
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.482.608.637	962.114.375
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10(a)</b>	<b>74.287.500.157</b>	<b>107.954.776.828</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.354.778.329</b>	<b>524.337.082</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.354.778.329	524.337.082
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>753.127.533.270</b>	<b>710.555.261.776</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>681.499.739.825</b>	<b>642.645.020.043</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	681.499.739.825	642.645.020.043
Nguyên giá	222		1.488.497.902.470	1.358.680.104.096
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(806.998.162.645)	(716.035.084.053)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		423.000.000	423.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(423.000.000)	(423.000.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.216.320.512</b>	<b>24.541.679.935</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.216.320.512	24.541.679.935
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7(b)</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		60.000.000.000	30.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.411.472.933</b>	<b>13.368.561.798</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.308.305.083	5.139.846.799
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		809.510.339	490.464.168
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	4.293.657.511	7.738.250.831
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.177.189.359.506</b>	<b>894.949.700.573</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>499.542.417.903</b>	<b>251.729.347.338</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>400.357.705.903</b>	<b>251.729.347.338</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14(a)	15.743.532.585	27.159.644.824
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.093.885	116.416.707
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	129.836.044.140	77.001.173.685
Phải trả người lao động	314		9.115.684.352	7.508.627.810
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	9.568.999.006	12.803.357.345
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.193.085.406	23.346.335.188
Vay ngắn hạn	320	18	216.179.407.236	91.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	8.665.859.293	12.293.791.779
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>99.184.712.000</b>	-
Phải trả người bán dài hạn	331	14(b)	99.184.712.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>677.646.941.603</b>	<b>643.220.353.235</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>677.646.941.603</b>	<b>643.220.353.235</b>
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.046.691.331	156.620.102.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		90.184.319.519	15.564.055.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		100.862.371.812	141.056.047.022
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.177.189.359.506</b>	<b>894.949.700.573</b>

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>1.091.152.337.814</b>	<b>1.122.037.241.085</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>25</b>	<b>545.945.122</b>	<b>1.925.889.526</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>1.090.606.392.692</b>	<b>1.120.111.351.559</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>943.534.996.577</b>	<b>931.694.976.632</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>147.071.396.115</b>	<b>188.416.374.927</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	10.090.598.994	3.077.917.038
Chi phí tài chính	22	28	18.150.845.347	4.433.016.819
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.490.478.675	3.801.747.556
Chi phí bán hàng	25	29	9.640.986.230	9.944.567.633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.999.579.968	15.385.814.980
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>116.370.583.564</b>	<b>161.730.892.533</b>
Thu nhập khác	31		3.589.724.753	2.739.534.484
Chi phí khác	32		2.667.718.126	1.931.400.631
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>922.006.627</b>	<b>808.133.853</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>117.292.590.191</b>	<b>162.539.026.386</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>9.971.087.765</b>	<b>12.324.666.568</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(319.046.171)</b>	<b>(490.464.168)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>107.640.548.597</b>	<b>150.704.823.986</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.241	3.135

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>117.292.590.191</b>	<b>162.539.026.386</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		91.658.187.765	85.011.599.453
Các khoản dự phòng	03		4.198.449.040	5.631.770.902
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.761.403.382	(401.168)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.029.611.296)	(2.103.560.716)
Chi phí lãi vay	06		6.490.478.675	3.801.747.556
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>220.371.497.757</b>	<b>254.880.182.413</b>
Biến động các khoản phải thu	09		7.992.838.070	2.676.511.668
Biến động hàng tồn kho	10		32.913.420.951	(21.487.082.452)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		41.687.488.070	(34.316.780.739)
Biến động chi phí trả trước	12		(998.899.531)	(638.733.292)
			<b>301.966.345.317</b>	<b>201.114.097.598</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.346.883.135)	(3.822.767.210)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.912.567.748)	(12.139.499.087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.780.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9.058.831.595)	(13.205.339.086)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>276.648.062.839</b>	<b>171.949.272.215</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(143.599.198.015)	(34.587.653.113)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		216.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(322.100.000.000)	(44.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		139.200.000.000	15.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.621.810.199	1.318.481.263
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(318.661.387.816)</b>	<b>(62.269.171.850)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		859.810.461.124	539.790.627.160
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(735.346.521.888)	(604.684.957.160)
Tiền chi trả cổ tức	36		(79.656.110.700)	(86.790.047.827)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>44.807.828.536</b>	<b>(151.684.377.827)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.794.503.559</b>	<b>(42.004.277.462)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>13.615.200.518</b>	<b>55.619.535.660</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(9.533.592)</b>	<b>(57.680)</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>16.400.170.485</b>	<b>13.615.200.518</b>

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:

  
**Võ Thanh Cường**  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



  
**Bùi Thị Nhựt**  
*Giám đốc*



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSQ.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn và kinh doanh kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 196 nhân viên (1/1/2020: 196 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 20 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới**

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

#### **5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Nội địa VND</b>	<b>Xuất khẩu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Doanh thu	969.375.392.588	121.231.000.104	1.090.606.392.692
Giá vốn	(850.728.235.873)	(92.806.760.704)	(943.534.996.577)
	118.647.156.715	28.424.239.400	147.071.396.115
<b>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>			
Doanh thu	992.675.383.497	127.435.968.062	1.120.111.351.559
Giá vốn	(835.588.214.123)	(96.106.762.509)	(931.694.976.632)
	157.087.169.374	31.329.205.553	188.416.374.927

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	175.325.801	274.597.888
Tiền gửi ngân hàng	16.224.844.684	13.340.602.630
	<hr/>	<hr/>
	16.400.170.485	13.615.200.518
	<hr/>	<hr/>

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,6% đến 6,7% một năm (1/1/2020: 7,3% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị là 34.500 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,5% đến 6,1% một năm (1/1/2020: 8,3% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị là 60.000 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và cho các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.088.991.479	27.728.275.300
International Consolidated Business Pty Ltd	4.710.717.648	-
Công ty TNHH Amico Gold	2.083.824.509	10.008.909.503
Elixir Signature Pty Ltd	-	4.663.008.000
Các khách hàng khác	1.211.932.905	1.181.381.016
	35.095.466.541	43.581.573.819

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị là 35.095 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	27.088.991.479	27.728.275.300

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**9. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

**Trả trước cho người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	76.200.000.000	-
Krones AG	32.270.568.010	-
Các nhà cung cấp khác	16.070.734.077	3.756.436.175
	124.541.302.087	3.756.436.175

Trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm 124.364 triệu VND là khoản trả trước cho người bán để mua tài sản cố định (1/1/2020: 2.791 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	31.094.934.125	-	33.662.610.384	-
Công cụ và dụng cụ	3.125.488.147	-	8.652.670.453	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.111.445.183	-	27.337.711.621	-
Thành phẩm	20.856.539.082	-	38.301.784.370	-
Hàng hóa	99.093.620	-	-	-
	<b>74.287.500.157</b>	<b>-</b>	<b>107.954.776.828</b>	<b>-</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 74.288 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2020: 107.955 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	15.032.029.964	(10.738.372.453)	14.278.174.244	(6.539.923.413)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.539.923.413	-
Dự phòng trích lập trong năm	5.617.211.683	6.539.923.413
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(1.418.762.643)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.738.372.453</b>	<b>6.539.923.413</b>





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	255.466.004.995	1.092.637.239.215	9.372.683.292	659.276.541	544.900.053	1.358.680.104.096
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	12.698.498.865 -	117.814.408.682 -	- (695.109.173)	- -	- -	130.512.907.547 (695.109.173)
Số dư cuối năm	268.164.503.860	1.210.451.647.897	8.677.574.119	659.276.541	544.900.053	1.488.497.902.470
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	90.341.291.901	616.720.853.193	8.019.345.280	625.210.879	328.382.800	716.035.084.053
Khấu hao trong năm Thanh lý	11.344.231.905 -	79.817.020.512 -	444.489.168 (695.109.173)	21.515.148 -	30.931.032 -	91.658.187.765 (695.109.173)
Số dư cuối năm	101.685.523.806	696.537.873.705	7.768.725.275	646.726.027	359.313.832	806.998.162.645
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	165.124.713.094	475.916.386.022	1.353.338.012	34.065.662	216.517.253	642.645.020.043
Số dư cuối năm	166.478.980.054	513.913.774.192	908.848.844	12.550.514	185.586.221	681.499.739.825

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản nguyên giá 15.308 triệu VND (1/1/2020: 11.274 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 128.176 triệu VND (1/1/2020: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18) và các khoản trả chậm cho người bán của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	24.541.679.935	(1.500.000)
Tăng trong năm	110.745.932.143	30.873.655.143
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(130.512.907.547)	(6.330.475.208)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.558.384.019)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.216.320.512	24.541.679.935
	<hr/>	<hr/>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Bao bì</b>	<b>Công cụ</b>	
	<b>luân chuyển</b>	<b>và dụng cụ</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.417.287.869	3.722.558.930	5.139.846.799
Tăng trong năm	-	3.337.634.019	3.337.634.019
Phân bổ trong năm	(1.291.530.297)	(2.877.645.438)	(4.169.175.735)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	125.757.572	4.182.547.511	4.308.305.083
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**14. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

**(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có</b>	
	<b>khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	5.463.544.988	7.102.870.910
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.660.790.712	6.819.807.138
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.017.235.810	4.429.478.160
Các nhà cung cấp khác	6.601.961.075	8.807.488.616
	<hr/>	<hr/>
	15.743.532.585	27.159.644.824
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	2.660.790.712	6.819.807.138
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	470.618.500	2.172.564.548
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	61.380.000	61.380.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

	<b>Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Krones AG	99.184.712.000	-

Khoản phải trả dài hạn cho Krones AG được đảm bảo bằng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (b)) và tài sản cố định hữu hình có giá còn lại là 112.632 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11). Khoản phải trả người bán dài hạn này sẽ được thanh toán vào ngày 18 tháng 9 năm 2022.

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020</b>	<b>Số phát sinh trong năm</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ trong năm</b>	<b>31/12/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	67.346.216.885	904.958.324.857	(860.830.648.554)	111.473.893.188
Thuế giá trị gia tăng	6.460.184.726	187.232.432.167	(179.440.610.339)	14.252.006.554
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.880.182.940	9.971.087.765	(9.912.567.748)	2.938.702.957
Thuế thu nhập cá nhân	314.589.134	3.823.311.143	(2.966.458.836)	1.171.441.441
Các loại thuế khác	-	15.663.771	(15.663.771)	-
	<b>77.001.173.685</b>	<b>1.106.000.819.703</b>	<b>(1.053.165.949.248)</b>	<b>129.836.044.140</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	8.660.912.963	8.517.317.423
Thù lao Hội đồng Quản trị	105.130.527	941.193.600
Chi phí khác	802.955.516	3.344.846.322
	<hr/>	<hr/>
	9.568.999.006	12.803.357.345
	<hr/>	<hr/>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	9.183.891.500	21.340.002.200
Phải trả khác	2.009.193.906	2.006.332.988
	<hr/>	<hr/>
	11.193.085.406	23.346.335.188
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay ngắn hạn**

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	91.500.000.000	859.810.461.124	(735.346.521.888)	215.468.000	216.179.407.236

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	VND	4.5%	50.500.000.000	91.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (i)	USD	3.0%	60.193.452.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi (ii)	VND	4.5%	35.500.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	4.5%	69.985.955.236	-
			216.179.407.236	91.500.000.000

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 180.000 triệu VND và được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 57.731 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 107.955 triệu VND) (Thuyết minh 10(a)) và phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 35.095 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 8(a)).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 80.000 triệu VND và được bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 30.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (b)), hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 16.557 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 10(a)), và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 16.544 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 11).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và được bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 34.500 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 7 (a)).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	12.293.791.779	16.803.773.395
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(1.064.216.556)	630.000.000
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	6.678.176.785	9.648.776.964
Sử dụng trong năm	(9.241.892.715)	(14.788.758.580)
Số dư cuối năm	<u>8.665.859.293</u>	<u>12.293.791.779</u>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	115.194.055.941	601.794.306.213
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	150.704.823.986	150.704.823.986
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(630.000.000)	(630.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(9.648.776.964)	(9.648.776.964)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(99.000.000.000)	(99.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	156.620.102.963	643.220.353.235
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.640.548.597	107.640.548.597
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	1.064.216.556	1.064.216.556
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(6.678.176.785)	(6.678.176.785)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	450.000.000.000	36.600.250.272	191.046.691.331	677.646.941.603

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2020 và 1/1/2020</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## **22. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên ngày 22 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức năm 2019 cho các cổ đông là 67.500 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu, (2019: 99.000 triệu VND, tương đương 2.200 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018). Khoản cổ tức này đã được trả cho các cổ đông từ ngày 2 tháng 10 năm 2020 theo thông báo số 162/CV-BSGQN ngày 31/08/2020.

## **23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.697.578.275	1.697.578.275
Từ hai đến năm năm	6.790.313.099	6.790.313.099
Sau năm năm	37.723.444.892	39.425.674.066
	46.211.336.266	47.913.565.440

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2020</b>		<b>1/1/2020</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	244.679	5.627.237.309	59.312	1.370.031.391
EUR	682	19.199.880	682	17.659.543
		5.646.437.189		1.387.690.934

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	348.889.111.987	94.854.826.004
	348.889.111.987	94.854.826.004

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.083.417.465.654	1.113.784.711.701
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.988.375.790.511</i>	<i>1.998.293.414.496</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>904.958.324.857</i>	<i>884.508.702.795</i>
▪ Bán hàng hóa	-	145.444.920
▪ Bán phế liệu	7.734.872.160	8.107.084.464
	<hr/> 1.091.152.337.814	<hr/> 1.122.037.241.085
Trừ đi khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	545.945.122	1.883.557.936
▪ Hàng bán bị trả lại	-	42.331.590
	<hr/> 545.945.122	<hr/> 1.925.889.526
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 1.090.606.392.692	<hr/> <hr/> 1.120.111.351.559

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	939.336.547.537	925.881.756.003
▪ Hàng hoá đã bán	-	145.444.920
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.198.449.040	5.667.775.709
	<hr/> 943.534.996.577	<hr/> 931.694.976.632





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	9.813.611.296	2.103.560.716
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	276.987.698	973.955.154
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	401.168
	<hr/>	<hr/>
	10.090.598.994	3.077.917.038
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	6.490.478.675	3.801.747.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	898.963.290	631.269.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.761.403.382	-
	<hr/>	<hr/>
	18.150.845.347	4.433.016.819
	<hr/>	<hr/>

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.251.663.014	7.205.686.593
Chi phí nhân viên	1.931.348.630	1.937.208.100
Chi phí khấu hao	17.464.644	26.196.966
Chi phí bán hàng khác	440.509.942	775.475.974
	<hr/>	<hr/>
	9.640.986.230	9.944.567.633
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	8.756.177.708	10.161.148.164
Chi phí khấu hao	1.036.702.036	1.885.917.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.122.579.069	1.217.114.169
Chi phí quản lý khác	2.084.121.155	2.121.635.317
	12.999.579.968	15.385.814.980

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	780.940.784.589	828.274.038.129
Chi phí khấu hao và phân bổ	91.658.187.765	85.011.599.453
Chi phí nhân công và nhân viên	41.989.852.265	43.359.655.464
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.847.835.725	19.760.493.572
Chi phí khác	4.521.375.484	4.693.783.103

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	9.206.932.961	12.324.666.568
Dự phòng thiếu trong những năm trước	764.154.804	-
	9.971.087.765	12.324.666.568
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(319.046.171)	(490.464.168)
	9.652.041.594	11.834.202.400



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	117.292.590.191	162.539.026.386
Thuế theo thuế suất của Công ty	17.593.888.529	24.380.853.958
Chi phí không được khấu trừ thuế	819.977.514	268.479.179
Ưu đãi thuế	(9.525.979.253)	(12.815.130.737)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	764.154.804	-
	9.652.041.594	11.834.202.400

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 34121000019 ngày 20 tháng 9 năm 2007 và theo Công văn số 2106/CT-TTHT ngày 4 tháng 11 năm 2017 của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2010) theo Điểm b Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ và được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2022) đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	107.640.548.597	150.704.823.986
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.778.176.785)	(9.648.776.964)
	100.862.371.812	141.056.047.022

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.854.449.530.260	1.837.860.884.030
Mua nguyên vật liệu	600.452.592.058	602.764.035.874
Cổ tức	44.925.000.000	65.890.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Cổ tức	1.750.000.500	2.566.667.400
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Mua hàng hóa	821.827.400	491.001.980





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí sử dụng vỏ chai	427.835.000	2.328.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	-	2.656.885.044
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh</b>		
Mua nguyên vật liệu	362.700.000	610.700.000
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hoá	121.200.000	88.650.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hoá	87.801.542	23.138.182
<b>Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Bách Khoa</b>		
Mua tài sản cố định	-	6.160.000.000
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	-	182.796.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Thù lao	4.730.020.360	5.697.291.516
Cổ tức	690.675.000	1.012.990.000
<b>Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>		
Thù lao	2.292.753.986	2.067.858.374
Cổ tức	1.500.465.000	4.823.522.000

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	99.210.072.000	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 5 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Võ Thanh Cường  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Thị Nhựt  
Giám đốc

